

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012



Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 52914 ngày 12 tháng 11 năm 2003

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số** 4703000102 ngày 5 tháng 1 năm 2011

Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là giấy phép đầu tư số 52914 ngày 12 tháng 11 năm 2003 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000102 ngày 5 tháng 1 năm 2011. Giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ngô Thị Thông Nguyễn Anh Tuấn Huỳnh Quốc Thái Nguyễn Khánh Linh Trịnh Minh Hưng Nguyễn Huy Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 25 tháng 5 năm 2012) Thành viên (đến ngày 25 tháng 5 năm 2012)
--------------------------	--	---

Ban Giám đốc	Ngô Thị Thông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
---------------------	----------------------------------	------------------------------------

Trụ sở đăng ký	Xã Phước Thái, Huyện Long Thành Tỉnh Đồng Nai Việt Nam
-----------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

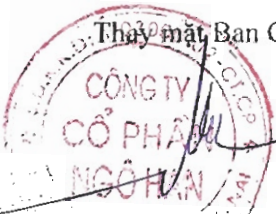
Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế Toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày từ trang 4 đến trang 33 đã được lập và trình bày phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngô Han (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, trình bày từ trang 4 đến trang 33 được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của đơn vị và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện gì để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-189



Châu Hưng Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Lê Đức Phong
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0465/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn				
(100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		549.035.753.041	568.062.196.465
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.718.220.260	22.072.363.390
Tiền	111		6.676.817.011	4.027.985.836
Các khoản tương đương tiền	112		20.041.403.249	18.044.377.554
Các khoản phải thu	130	5	257.841.742.005	187.322.294.256
Phải thu khách hàng	131		192.949.868.755	168.869.946.284
Trả trước cho người bán	132		60.404.227.226	15.858.521.894
Phải thu khác	135		5.056.948.596	3.163.128.650
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(569.302.572)	(569.302.572)
Hàng tồn kho	140	6	245.274.989.671	347.320.398.326
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.200.801.105	11.347.140.493
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.848.129.880	2.195.180.605
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.216.050.639	8.961.457.626
Thuế và các khoản phải thu Ngân sách				
Nhà nước	154		135.366.586	8.180.156
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.254.000	182.322.106
Tài sản dài hạn	200		109.139.572.382	100.825.806.643
Tài sản cố định	220		104.779.929.805	95.620.052.820
Tài sản cố định hữu hình	221	7	53.272.965.562	56.870.155.698
Nguyên giá	222		160.013.825.386	157.902.239.505
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.740.859.824)	(101.032.083.807)
Tài sản cố định vô hình	227	8	15.054.627.000	15.331.802.250
Nguyên giá	228		16.954.389.818	16.954.389.818
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.899.762.818)	(1.622.587.568)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	36.452.337.243	23.418.094.872
Tài sản dài hạn khác	260		4.359.642.577	5.205.753.823
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.179.369.574	5.025.480.820
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		180.273.003	180.273.003
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		658.175.325.423	668.888.003.108

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

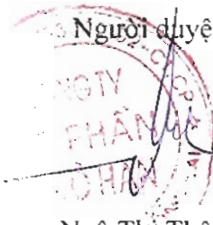
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		376.932.211.973	379.127.902.401
Nợ ngắn hạn	310		375.128.147.064	370.884.649.042
Vay ngắn hạn	311	11	277.473.838.950	233.891.955.549
Phải trả người bán	312		60.606.791.625	97.601.653.790
Người mua ứng trước	313		476.537.848	306.043.616
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	12	32.230.104.755	14.867.629.598
Phải trả người lao động	315		1.210.678.025	31.622.517
Chi phí phải trả	316	13	1.591.898.080	22.179.625.537
Phải trả nội bộ	317		42.000.000	6.000.000
Phải trả khác	319	14	1.496.297.781	2.000.118.435
Nợ dài hạn	330		1.804.064.909	8.243.253.359
Vay dài hạn	334	15	691.148.550	7.098.633.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	1.112.916.359	1.144.620.359
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		281.243.113.450	289.760.100.707
Vốn chủ sở hữu	410	17	281.243.113.450	289.760.100.707
Vốn cổ phần	411	18	229.506.273.435	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ	414		(127.160.000)	(127.160.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		127.160.000	127.160.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		51.736.840.015	60.253.827.272
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		658.175.325.423	668.888.003.108

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kê toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

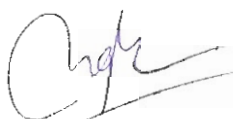
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng doanh thu	01	19	719.662.614.557	722.611.056.067
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(50.389.716)	(591.575.459)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10		719.612.224.841	722.019.480.608
Giá vốn hàng bán	11	20	(681.914.492.455)	(640.657.788.636)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		37.697.732.386	81.361.691.972
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.976.254.425	6.704.402.414
Chi phí tài chính	22	22	(10.681.524.424)	(33.951.202.752)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(7.205.352.348)	(8.667.582.178)
Chi phí bán hàng	24		(3.711.948.913)	(4.064.755.901)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7.787.445.750)	(8.036.051.402)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		17.493.067.724	42.014.084.331
Thu nhập khác	31		160.800.002	70.535.828
Chi phí khác	32		(92.139.230)	(3.945.000)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		68.660.772	66.590.828
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.561.728.496	42.080.675.159
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	23	(3.140.804.753)	(10.520.168.789)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	23	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế (60 = 50 + 51 + 52)	60		14.420.923.743	31.560.506.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	629	1.375

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		17.561.728.496	42.080.675.159
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.847.364.316	8.007.248.023
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(269.057.228)	(678.991.120)
Chi phí lãi vay	06		7.205.352.348	8.667.582.178
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		33.345.387.932	58.076.514.240
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(78.373.108.361)	29.223.625.040
Biến động hàng tồn kho	10		102.045.408.655	181.629.675.995
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(41.570.042.354)	(111.210.213.253)
			15.447.645.872	157.719.602.022
Lãi vay đã trả	13		(8.150.485.288)	(9.135.635.604)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.236.167.332)	(2.921.421.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		6.060.993.252	145.662.545.020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(15.388.945.961)	(39.595.099.480)
Thu lãi tiền gửi	27		269.057.228	678.991.120
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(15.119.888.733)	(38.916.108.360)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho-giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2012 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		586.430.761.572	561.111.498.121
Chi trả nợ gốc vay	34		(549.256.362.621)	(675.825.900.348)
Chi trả cổ tức	36		(23.469.646.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		13.704.752.351	(114.714.402.227)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.645.856.870	(7.967.965.567)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		22.072.363.390	17.523.029.503
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	26.718.220.260	9.555.063.936

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	1.772.184.094	-

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người quyết:



Ngô Thị Thống
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Ngô Han (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nguyên liệu đồng, nhôm, dây và cáp điện; mua bán nguyên liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện từ, dây và cáp điện; và mua bán phế liệu phế thải đồng và nhôm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”). Chi tiết công ty con, được thành lập tại Việt Nam, như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Phần trăm sở hữu thực tế
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Ngô Han	Mua bán kim loại, quặng kim loại, máy móc và thiết bị và linh kiện điện tử; lắp đặt mạng lưới điện; bán lẻ đồ gia dụng; mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc nông nghiệp.	0311440941	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Nhóm công ty có 251 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 227 nhân viên) và Công ty có 241 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 227 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Báo cáo tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(b) Cơ sở hạch toán

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ báo cáo

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(c) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà xưởng | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc | 4 – 12 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng không xác định được ghi theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

(j) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(I) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thuyết minh về tính trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Nhóm công ty và đặc tính và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Nhóm công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường tập trung, ngoại trừ:

- Các khoản mà Nhóm công ty định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Nhóm công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Nhóm công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính như trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh chứ không nhằm trình bày cách thức các công cụ này được đánh giá. Các chính sách kế toán đánh giá các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bàng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Nhóm công ty không có cổ phiếu nào có nguy cơ sụt giảm giá trị.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Nhóm công ty hoạt động trong một lĩnh vực hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dây cáp điện và một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	79.291.083	277.596.336
Tiền gửi ngân hàng	6.597.525.928	3.750.389.500
Tương đương tiền	20.041.403.249	18.044.377.554
	<hr/>	<hr/>
	26.718.220.260	22.072.363.390

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có số tiền khác VND tương đương 5.948 triệu VND (31 tháng 12 năm 2011: 509 triệu VND).

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	4.752.376.600	2.675.335.752
Ký quỹ ngắn hạn	208.144.500	485.666.692
Phải thu khác	96.427.496	2.126.206
	<hr/>	<hr/>
	5.056.948.596	3.163.128.650
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 các khoản phải thu có giá trị ghi sổ 105.175 triệu VND (31 tháng 12 năm 2011: 49.132 triệu VND) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

6. Hàng tồn kho

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	53.751.397.577	77.377.246.804
Nguyên vật liệu	43.218.049.874	35.457.135.995
Công cụ và dụng cụ	2.618.400.895	3.852.489.864
Sản phẩm dở dang	2.969.503.570	1.689.248.632
Thành phẩm	134.167.501.301	221.307.817.359
Hàng hóa	8.550.136.454	7.636.459.672
	<hr/>	<hr/>
	245.274.989.671	347.320.398.326
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng VND	Máy móc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	12.135.218.166	136.877.555.549	1.581.611.512	7.307.854.278	157.902.239.505
Tăng trong kỳ	-	1.030.000.000	-	-	1.030.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.400.024.881	-	-	1.400.024.881
Xóa sổ	-	(318.439.000)	-	-	(318.439.000)
Số dư cuối kỳ	12.135.218.166	138.989.141.430	1.581.611.512	7.307.854.278	160.013.825.386
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.117.517.412	90.162.233.007	1.084.954.652	4.667.378.736	101.032.083.807
Khấu hao trong kỳ	257.058.651	5.295.200.678	106.577.584	368.378.104	6.027.215.017
Xóa sổ	-	(318.439.000)	-	-	(318.439.000)
Số dư cuối kỳ	5.374.576.063	95.138.994.685	1.191.532.236	5.035.756.840	106.740.859.824
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	7.017.700.754	46.715.322.542	496.656.860	2.640.475.542	56.870.155.698
Số dư cuối kỳ	6.760.642.103	43.850.146.745	390.079.276	2.272.097.438	53.272.965.562

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 30.025 triệu VND đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng (31 tháng 12 năm 2011: 23.634 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 19.618 triệu VND (31 tháng 12 năm 2011: 21.590 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	14.685.060.000	2.269.329.818	16.954.389.818
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1.622.587.568	1.622.587.568
Khấu hao trong kỳ	-	277.175.250	277.175.250
Số dư cuối kỳ	-	1.899.762.818	1.899.762.818
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	14.685.060.000	646.742.250	15.331.802.250
Số dư cuối kỳ	14.685.060.000	369.567.000	15.054.627.000

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	23.418.094.872	4.757.867.194
Tăng trong kỳ	14.434.267.252	34.816.941.855
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.400.024.881)	(7.813.838.860)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(14.685.060.000)
Số dư cuối kỳ	36.452.337.243	17.075.910.189

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ	
	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	5.025.480.820	4.297.137.318
Tăng trong kỳ	1.696.862.803	4.608.611.625
Phân bổ trong kỳ	(2.542.974.049)	(1.977.413.459)
Số dư cuối kỳ	4.179.369.574	6.928.335.484

11. Vay ngắn hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	277.473.838.950	233.891.955.549

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	n/a	-	22.172.089.025
Khoản vay ngân hàng 2	USD	5,2% - 6%	277.473.838.950	168.498.958.011
Khoản vay ngân hàng 3	HKD	n/a	-	43.220.908.513
			277.473.838.950	233.891.955.549

Khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 19.618 triệu VND (31 tháng 12 năm 2011: 21.590 triệu VND) và các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 105.175 triệu VND (31 tháng 12 năm 2011: 49.132 triệu VND).

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.138.666.393	5.536.252.315
Thuế nhập khẩu	16.126.740	116.033.914
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.075.311.622	9.170.674.201
Thuế thu nhập cá nhân	-	44.669.168
	<hr/>	<hr/>
	32.230.104.755	14.867.629.598
	<hr/>	<hr/>

13. Chi phí phải trả

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hoa hồng cho khách hàng	-	154.519.719
Chi phí lãi vay	303.251.043	1.248.383.983
Lương tháng 13	925.802.304	2.273.887.350
Phí kiểm toán	156.729.844	105.470.000
Mua nguyên vật liệu	-	18.397.364.485
Chi phí vận chuyển	206.114.889	-
	<hr/>	<hr/>
	1.591.898.080	22.179.625.537
	<hr/>	<hr/>

14. Phải trả khác

	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	268.163.353	339.005.229
Tài sản thừa chờ xử lý (*)	295.710.325	295.710.325
Nguyên vật liệu giữ hộ để gia công	37.644.923	37.644.923
Cổ tức phải trả	451.001.273	982.736.873
Phải trả khác	443.777.907	345.021.085
	<hr/>	<hr/>
	1.496.297.781	2.000.118.435
	<hr/>	<hr/>

(*) Tài sản thừa chờ xử lý trình bày hàng tồn kho thừa được tìm thấy trong quá trình kiểm kho.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Vay dài hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn phải trả sau 12 tháng	691.148.550	7.098.633.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay từ Eximbank (không đảm bảo)	EUR	5,5%	2016	691.148.550	7.098.633.000

16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	1.144.620.359
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(31.704.000)
Số dư cuối kỳ	1.112.916.359

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Nhóm công ty đã đóng 84 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 74 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công và nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	229.506.273.435	(766.560.000)	766.560.000	27.579.626.137	257.085.899.572
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	31.560.506.370	31.560.506.370
Phân phối cổ phiếu quỹ cho nhân viên	-	766.560.000	(766.560.000)	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2011	229.506.273.435	-	-	59.140.132.507	288.646.405.942
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	12.589.008.437	12.589.008.437
Cổ phiếu quỹ thu lại từ các nhân viên đã nghỉ việc	-	(127.160.000)	127.160.000	-	-
Cổ tức	-	-	-	(11.475.313.672)	(11.475.313.672)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	229.506.273.435	(127.160.000)	127.160.000	60.253.827.272	289.760.100.707
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	14.420.923.743	14.420.923.743
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(22.937.911.000)	(22.937.911.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	229.506.273.435	(127.160.000)	127.160.000	51.736.840.015	281.243.113.450

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất-giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(12.716)	(127.160.000)	(12.716)	(127.160.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.937.911	229.379.113.435	22.937.911	229.379.113.435

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	VND	%
Bà Ngô Thị Thông	5.894.913	58.949.130.000	25,70
Ông Nguyễn Vũ Dương	2.216.709	22.167.090.000	9,66
Ông Nguyễn Văn Vũ Lương	1.497.776	14.977.760.000	6,53
Quỹ Mekong Enterprise Fund Ltd.	4.750.089	47.500.890.000	20,71
Quỹ Mekong Enterprise Fund II Ltd.	2.066.930	20.669.300.000	9,01
Quỹ đầu tư Bản Việt	2.272.339	22.723.390.000	9,91
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	2.499.573	24.995.730.000	10,90
Các cổ đông khác	1.739.582	17.395.823.435	7,58
	22.937.911	229.379.113.435	100

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

20. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Thành phẩm đã bán	588.349.829.273	494.258.249.014
Hàng hoá mua để bán	1.352.505.991	-
Nguyên vật liệu đã bán	91.540.740.023	146.159.711.424
Khác	671.417.168	239.828.198
	681.914.492.455	640.657.788.636

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu lãi tiền gửi	269.057.228	678.991.120
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.707.197.197	6.025.411.294
	1.976.254.425	6.704.402.414

22. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí lãi vay	7.205.352.348	8.667.582.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.476.172.076	25.283.620.574
	10.681.524.424	33.951.202.752

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

23. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Giai đoạn hiện hành	3.140.804.753	10.520.168.789

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	17.561.728.496	42.080.675.159
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.390.432.124	10.520.168.789
Ưu đãi thuế	(1.249.627.371)	-
	3.140.804.753	10.520.168.789

Theo Nghị quyết số 13/NQ-CP do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 5 năm 2012, hoạt động của Công ty đáp ứng đủ điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ do đó Công ty được giảm 30% thuế thu nhập cho năm 2012.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 14.420.923.743 VND (30 tháng 6 năm 2011: 31.560.506.370 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 22.937.911 (30 tháng 6 năm 2011: 22.950.627), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	14.420.923.743	31.560.506.370
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	14.420.923.743	31.560.506.370

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	22.937.911	22.873.971
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ thưởng cho Tổng Giám đốc và nhân viên	-	76.656
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông trong kỳ	22.937.911	22.950.627

25. Cổ tức

Hội đồng quản trị của Công ty vào ngày 29 tháng 2 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 22.938 triệu VND (1.0000VND/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

26. Công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Nhóm công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ việc sử dụng các công cụ tài chính như sau:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày thông tin về nguy cơ của Nhóm công ty đối với từng rủi ro trên, mục tiêu, chính sách và phương pháp quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Nhóm công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một khách hàng hoặc bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Nhóm công ty.

(i) Trạng thái rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của tài sản tài chính thể hiện mức tổn thất tín dụng tối đa. Mức tổn thất tối đa do rủi ro tín dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	26.638.929.177	21.794.767.054
Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	(iii)	198.006.817.351	172.033.074.934
		<hr/>	<hr/>
		224.645.746.528	193.827.841.988

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng của Nhóm công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính uy tín. Ban Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ rủi ro tín dụng đáng kể nào phát sinh từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(iii) Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Nhóm công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc tính cá nhân của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Nhóm công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Nhóm công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Nhóm công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	Số dư gộp 30/6/2012 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2012 VND	Số dư gộp 31/12/2011 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND
Trong hạn	118.822.799.360	-	115.736.679.005	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	36.132.009.713	-	25.017.449.914	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	40.217.697.022	-	31.278.946.015	(569.302.572)
Quá hạn trên 180 ngày	2.834.311.256	(569.302.572)	-	-
	198.006.817.351	(569.302.572)	172.033.074.934	(569.302.572)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo, đến mức có thể, Nhóm công ty luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn, trong điều kiện bình thường hoặc khó khăn, mà không làm phát sinh các khoản thua lỗ không thể chấp nhận được hoặc gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất-giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	63.694.987.486	63.694.987.486	63.694.987.486	-	-
Vay ngắn hạn	277.473.838.950	280.081.590.401	280.081.590.401	-	-
Vay dài hạn	691.148.550	830.157.150	37.089.283	37.089.283	755.978.584
	341.859.974.986	344.606.735.037	343.813.667.170	37.089.283	755.978.584

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và trả các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tiền gửi tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Nhóm công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Nhóm công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là nhằm quản lý và giám sát rủi ro thị trường trong mức chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

(i) Rủi ro tiền tệ

Nhóm công ty phải chịu rủi ro tiền tệ đối với các khoản bán, mua và vay có gốc bằng một đơn vị tiền tệ khác Việt Nam Đồng. Các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD) và Đồng Euro (EUR).

Rủi ro tiền tệ của Nhóm công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro này ở mức chấp nhận được bằng các mua vào hoặc bán ra ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro quá cao trong ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Trạng thái rủi ro tiền tệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Nhóm công ty có tình trạng phải trả tiền tệ thuần, chịu rủi ro tiền tệ như sau:

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	284.548	6
Phải thu khách hàng	365.972	-
Phải trả người bán	(2.643.277)	(52.600)
Vay ngắn hạn	(13.262.098)	-
Vay dài hạn	-	(25.607)
	(15.254.855)	(78.201)

Sau đây là các tỷ giá chính được Nhóm công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 30/6/2012
USD 1	20.828
EUR 1	26.355

Phân tích độ nhạy cảm

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần cho giai đoạn kết thúc ngày 30/6/2012 VND
USD (tăng 10%)	(26.090.444.285)
EUR (tăng 6%)	(101.543.563)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Nhóm công ty cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	26.638.929.177	21.794.767.054
Nợ phải trả tài chính	(278.164.987.500)	(240.990.588.549)
	<u>(251.526.058.323)</u>	<u>(219.195.821.495)</u>

(e) *Giá trị hợp lý*

(i) *Giá trị hợp lý so với giá trị ghi sổ*

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có khác biệt đáng kể so với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(ii) *Cơ sở xác định giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được ước tính theo giá trị mà các công cụ này có thể được chuyển giao trong một giao dịch hiện tại của các bên liên quan. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích trình bày trong báo cáo tài chính.

Nhóm công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý.

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và các khoản vay ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ do các công cụ này có thời hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính dựa vào giá trị của luồng tiền trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ, ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng cho Ban Giám đốc	1.479.041.968	1.565.003.723

28. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Nhóm công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.588.338.235	6.684.415.060

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.189.524.000	1.125.580.380
Từ hai đến năm năm	1.926.096.000	1.878.096.000
Trên năm năm	1.116.339.000	1.119.466.000
	4.231.959.000	4.123.142.380

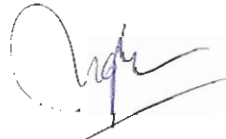
Công ty Cổ phần Ngô Han và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	477.172.727.783	617.991.426.331
Chi phí nhân công và nhân viên	10.514.236.543	8.787.852.971
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.847.364.316	8.007.248.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.117.060.077	5.217.070.697
Chi phí khác	9.267.697.347	12.754.997.917

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012